

Các phong trào đấu tranh yêu nước ở Hội An trước năm 1927

Nguyễn Quang Trung Tiến

1. Vài nét về chế độ cai trị của Pháp ở Hội An

Sau ngày Kinh đô Huế thất thủ (5/7/1885), nền độc lập đã mất, hòa cùng với thuộc địa Nam kỳ, chính quyền cai trị của Pháp được thiết lập khắp các tỉnh Trung và Bắc Kỳ, trở thành 3 xứ nằm trong Liên bang Đông Dương thuộc Pháp⁽¹⁾.

Cơ quan chính quyền Nam triều tỉnh Quảng Nam đứng đầu là tổng đốc đóng tại thành La Qua (Điện Bàn), còn chính quyền bảo hộ Pháp đứng đầu là viên công sứ đóng tại Hội An. Các trụ sở làm việc của Pháp như tòa công sứ, trại lính khổ xanh, đồn cảnh sát, sở mật thám, sở thương chánh, sở đặc điền... đều được xây dựng tại Hội An. Việc điều hành, bổ nhiệm, điều động đội ngũ quan

chức cấp huyện, tổng, xã của tổng đốc đặt dưới sự kiểm soát và phê duyệt toàn diện của công sứ Pháp tại Hội An.

Cuối thế kỷ XIX, nhu cầu thiết lập và quản lý các trung tâm đô thị ở Trung kỳ như Hội An dần trở nên bức thiết, việc triển khai công cuộc thống trị, bóc lột kinh tế của người Pháp cũng đòi hỏi sự đa dạng trong hoạt động khai thác và các dịch vụ đô thị, nên ngày 6 tháng 9 năm Thành Thái thứ 10 (20-10-1898), Cơ Mật Viện triều đình Huế lập tờ trình gửi Hoàng đế Nam triều dưới sự phê duyệt của Khâm sứ Trung kỳ Boulloché, đề nghị thiết lập các trung tâm đô thị ở Trung kỳ (không tính Đà Nẵng)⁽²⁾. Ngày 5 tháng 6 năm Thành Thái thứ 11 (12-7-1899), vua Thành Thái

xuống Dụ công bố thành lập 6 thị xã (centre urbain) ở Trung kỳ, trong đó có Hội An (lúc đó gọi là Faifo)⁽³⁾. Mỗi thị xã có một nguồn ngân sách riêng, giới hạn của từng thị xã sẽ được xác định bởi quyết định của Khâm sứ Trung kỳ⁽⁴⁾. Ngày 13-7-1899, Khâm sứ Boulloché phê duyệt Dụ của vua Thành Thái và đến 30-8-1899, Toàn quyền Đông Dương Paul Doumer ra nghị định chuẩn y⁽⁵⁾.

Pháp đã xây dựng một hệ thống giúp việc cai trị ở Hội An, đồng thời siết chặt việc quản lý những Hoa kiều thuộc 5 bang Quảng Đông, Phúc Kiến, Triều Châu, Hải Nam và Gia Ứng⁽⁶⁾. Tư sản Hoa kiều ở Hội An được Pháp tạo điều kiện thuận lợi để phát triển việc kinh doanh, đầu tư vào lĩnh vực bán buôn và bán lẻ hàng

Một đơn vị Pháp và lính tập đóng tại một ngôi chùa Hội An năm 1886



hóa xuất nhập khẩu, thu mua sản phẩm nội địa, xây dựng các cơ sở sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ và cả các hoạt động tín dụng cho vay, hoặc bao chiếm ruộng đất ở nơi khác ngoài Hội An rồi phát canh thu tô. Nổi tiếng có các hiệu buôn như Quảng Phát Trường, La Thiên Thái, Nam Phát, Vạn Hòa, Triều Phát, Nghĩa Thành, Hiệp Lợi... Nhiều chi nhánh, đại diện của các tập đoàn, công ty, hãng kinh doanh Pháp cũng xuất hiện ở Hội An như rượu SICA, điện SIPFA, xăng dầu SHELL, ươm tơ FIARD, bao bì xuất khẩu của de Robert, công nghiệp chế biến chè... Những người Việt ở Hội An tham gia công việc kinh doanh và phát lên chủ yếu là những chủ buôn ghe bầu, chủ xưởng đóng ghe, chủ ghe làm nghề biển, buôn bán bất động sản, thầu khoán xây cất nhà cửa, chủ xưởng mộc, chủ xưởng sản xuất gạch ngói..., tiêu biểu như Bá Thuận, Cửu Cang, Cửu Huynh, Thông Đăng⁽⁷⁾. Số đông người Việt còn lại gồm tiểu thương, tiểu chủ, viên chức các công-tư sở, học sinh, sinh viên, tầng lớp lao động tự do như thầy thuốc, phường hát, thợ thủ công (mộc, nề, chạm trổ, đóng ghe thuyền, làm gốm, sản xuất gạch ngói, nung vôi, dệt chiếu, dệt vải, thợ may, cắt tóc, sửa đồng hồ, chèo thuyền), nông dân chài lưới, đánh cá hay làm ruộng, và một bộ phận là công nhân trong các sở cầu đường, hỏa xa, công trình xây dựng, nhà máy điện, hãng rượu, bưu điện, các xưởng sản xuất và chế biến, bốc vác, phu xe...

Dần dà, một khu phố Tây đã hình thành tại Hội An, cùng với đó là hệ thống đường sá được chỉnh trang và sự xuất hiện các cơ sở công cộng được xây mới như trường tiểu học (1922), trường nữ sinh (1924), bệnh viện (1923), bưu điện (1929)... đáp ứng yêu cầu thống trị, khai thác và phát triển kinh tế, văn hóa, giáo dục, y tế...

Dù có bước phát triển nhiều mặt, nhưng sự câu kết giữa thực dân với Nam triều đã tạo



Bảng cấp của Nguyễn Duy Hiệu, Tà Tham tri Bộ binh, sung Tham tán quân vụ đại thần, kiêm nhiệm Tổng đốc Nam - Ngãi

ra những áp bức nặng nề về mặt chính trị và kinh tế ở Hội An. Bên cạnh đó, sự phát triển khá thuận lợi của tư sản Pháp và Hoa kiều dưới bàn tay nâng đỡ của chính quyền Pháp càng tác động sâu sắc đến đời sống xã hội, khiến ngay cả tư sản người Việt cũng rơi vào tình cảnh bị kìm chế và chèn ép, còn các giai tầng tiểu tư sản, nông dân, công nhân và quần chúng nhân dân lao động ngày càng bị áp bức bóc lột nặng nề và bị biến hóa không lối thoát, kiếp đời nô lệ dưới ách thống trị của chủ nghĩa thực dân càng trở nên đau khổ hơn bao giờ hết, thúc đẩy nhân dân Hội An liên tục vùng dậy đấu tranh.

2. Phong trào yêu nước, chống Pháp giành độc lập dân tộc dưới ngọn cờ phong kiến ở Hội An cuối thế kỷ XIX (1885-1896)

Sau ngày lật đổ vua Hiệp Hòa, người đã thỏa hiệp và ký kết Hiệp ước Harmand (25-8-1883) với Pháp, triều đình Huế dưới thời hai vua Kiến Phúc (2-12-1883 - 31-7-1884) và Hàm Nghi (2-8-1884 - 5-7-1885) đã củng cố và xây dựng hệ thống sơn phòng thuộc các tỉnh từ Thanh Hóa đến Bình Thuận, trung tâm là thành

Tân Sở (Quảng Trị), để chuẩn bị cho công cuộc chống Pháp lâu dài. Với chủ trương đó, triều đình cho dời sơn phòng Quảng Nam đến xã Dương Hòa, phủ Thăng Bình (còn gọi là sơn phòng Dương Yên, hay sơn phòng Phương Xá⁽⁸⁾, giao cho tiến sĩ Trần Văn Dư làm Chánh sứ sơn phòng.

Ngày 5-7-1885 (23 tháng 5 Ất Dậu), Kinh đô Huế thất thủ, vua Hàm Nghi phải xuất quân đi kháng chiến. Đến ngày 13-7-1885, tại thành Tân Sở, vua Hàm Nghi xuống Dụ Cần vương, yêu cầu quan lại, sĩ phu và nhân dân cả nước đứng lên giúp vua giết giặc để giành lại nền độc lập. Tin tức Kinh thành Huế thất thủ, Hàm Nghi xuất bôn hiệu triệu Cần vương được truyền đến các tỉnh Nam Trung kỳ rất nhanh⁽⁹⁾.

Ngày 9-8-1885, Trần Văn Dư ra Thông đạt cho sĩ dân trong tỉnh biết nội dung Dụ Cần vương và kêu gọi khởi nghĩa. Nhiều quan lại, nhà khoa bảng, võ cử, ám sinh đứng lên lập Nghĩa hội Quảng Nam, do Trần Văn Dư làm Hội chủ, với sự góp sức của Phó bảng Nguyễn Duy Hiệu (1847-1887), quê làng Thanh Hà (nay là phường Thanh Hà và xã Cẩm Hà, thành phố Hội An), nguyên giảng tập ở Dưỡng Thiện Đường,

được sung làm Hồng lô tự khanh, thường gọi là Hoàng Hiệu, đã từ quan, và nhiều quan lại, nhân sĩ.

Cuối tháng 9-1885, quân Pháp từ Đà Nẵng phá được phòng tuyến Hòa Vang rồi tiến vào tỉnh thành Quảng Nam (7-10-1885). Tháng 12-1885 quân Pháp chiếm sơn phòng Dương Yên. Trong tình thế bị vây hãm, Trần Văn Dư lên đường ra kinh đô thương thuyết nhưng bị sát hại, Nguyễn Duy Hiệu được bầu làm Hội chủ thay thế. Ông được vua Hàm Nghi sắc phong làm Bình bộ Tả tham tri, sung Tham tán quân vụ đại thần kiêm lý Nam Ngãi tổng đốc, trở thành thủ lĩnh của nghĩa hội 3 tỉnh Nam - Ngãi - Định.

Nguyễn Duy Hiệu xây dựng Tân Tinh ở căn cứ Trung Lộc (Quê Sơn) với đủ 6 bộ, nha, thự, trại⁽¹⁰⁾. Nghĩa hội thường sử dụng chiến thuật tập kích, phục kích tiêu hao sinh lực địch, nhiều lần tấn công xuống tỉnh thành Quảng Nam⁽¹¹⁾, đột kích khu vực xung quanh Đà Nẵng, thành Điện Hải, vịnh Đà Nẵng, phá hoại kế hoạch mở rộng đường đèo Hải Vân do đại úy công binh Besson thuộc phái bộ quân sự các binh đoàn Pháp ở Trung kỳ phụ trách⁽¹²⁾. Khâm sứ Trung kỳ Baille gọi Nguyễn Duy Hiệu là “một tay khuấy động lớn ở Quảng Nam”, “có khí phách khác người”, “một anh tài kỳ dị”, “thanh thế của Hiệu lan nhanh lạ lùng trong hạt”⁽¹³⁾. Hay: “Được lệnh của Hiệu, làng mạc đều di tản, nông dân đốt nhà cửa thực hiện vườn không nhà trống để đối phó với quân đội (Pháp)”⁽¹⁴⁾.

Từ nửa cuối năm 1886, nghĩa quân chịu nhiều hao tổn lực lượng và suy yếu dần. Đến tháng 8/1887, phó tướng Phan Bá Phiến uống thuốc độc tự sát để bảo vệ bí mật của tổ chức, Nguyễn Duy Hiệu tự nộp mình cho giặc, Nghĩa hội Quảng Nam kết thúc. Nam triều kết án tử hình rồi chém ông tại pháp trường An Hòa vào ngày 1-10-1887 (15 tháng 8 năm Đinh Hợi). Trước khi chết, Nguyễn Duy Hiệu vẫn điềm tĩnh, hiên ngang khiến người Pháp phải

thừa nhận: “Hiệu đợi chờ cái chết không hề sợ sệt và coi đó là định số... Hiệu cũng như nhiều người khác từng thấy ở Nam kỳ và Trung kỳ, vẫn làm thơ trên đường tới pháp trường rồi viết những dòng thơ bằng bút lông mà nét bút không hề run rẩy hay mềm yếu”⁽¹⁵⁾. Hiện phần mộ Nguyễn Duy Hiệu nằm tại xã Cẩm Hà, thành phố Hội An.

Cùng với Nguyễn Duy Hiệu,



Chân dung chí sĩ Trần Cao Vân

nghĩa sĩ quê Hội An là Châu Thượng Văn (1856-1908), hiệu Thơ Đồng, người làng Minh Hương, nay thuộc phường Minh An, tham gia Nghĩa hội ngay từ đầu. Nhà Châu Thượng Văn buôn bán cạnh chợ Hội An, là nơi liên lạc của nghĩa quân và cung cấp nhiều công sức, tiền bạc cho Nghĩa hội. Nhờ giữ bí mật, nên mật thám và chỉ điểm của Pháp ít nghi ngờ. Khi Nghĩa hội tan rã, Châu Thượng Văn vẫn tiếp tục sống và có thêm nhiều đóng góp vào phong trào yêu nước về sau. Ngoài ra, còn có các nhân vật như Trần Trung Tri, Lương Như Bích người làng Cẩm Phô, nay thuộc phường Cẩm Nam; Nguyễn Bính người làng Cẩm Châu, nay thuộc phường Cẩm Châu; ông Tuy, ông Nhạc ở Phước Trạch, An Bàng, nay thuộc phường Cẩm An⁽¹⁶⁾; Nguyễn Thừa Tồn, Mai Ngô (Đội

Ngô), Cai Quá... làng Thanh Hà, nay thuộc xã Cẩm Hà⁽¹⁷⁾.

Nghĩa quân tại Hội An từng xây dựng đồn lũy ở Kim Bồng (chợ Đồn), nay thuộc xã Cẩm Nam, hoạt động ráo riết ở Cù lao Chàm, nay thuộc xã Tân Hiệp, quấy động cả một vùng ven biển làm thực dân Pháp và tay sai nhiều phen khốn đốn⁽¹⁸⁾.

3. Cuộc vận động giải phóng dân tộc theo ngọn cờ cách mạng tư sản ở Hội An đầu thế kỷ XX (1897-1927)

a. Sự hưởng ứng của nhân dân Hội An trong cuộc vận động duy tân cứu nước của Phan Bội Châu và Phan Chu Trinh (1903-1908)

Đầu thế kỷ XX, trên cơ sở biến đổi về kinh tế-xã hội do cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất tạo ra và ảnh hưởng của ý thức hệ tư sản cùng tư tưởng duy tân từ bên ngoài dội vào, tạo một luồng sinh khí mới, thúc đẩy phong trào yêu nước ở Hội An bùng nổ. Trên nền tảng nhận thức mới, năm 1903, từ Huế, Phan Bội Châu vào Quảng Nam gặp các nhân sĩ đất Quảng đề cập việc tổ chức hội kín chống Pháp⁽¹⁹⁾. Trong dịp này, Phan Bội Châu đã gặp Châu Thượng Văn bàn chuyện chính sự, được Châu Thượng Văn hứa là: “Khi nào cần tiền, thì tôi tuy gia nghiệp đã nghèo cũng xin đem giúp ông hết”⁽²⁰⁾.

Giữa tháng 5-1904, một đại hội thành lập tổ chức được tiến hành tại Nam Thịnh sơn trang của Nguyễn Thành tại Thăng Bình, Quảng Nam, với sự có mặt trên 20 người, như Phan Bội Châu, Nguyễn Thành, Đặng Tử Kính, Đặng Thái Thân, Kỳ ngoại hầu Cường Để, Thái Phiên, Châu Thượng Văn (Châu Thơ Đồng), Trịnh Hiền⁽²¹⁾, Lê Võ⁽²²⁾... Đại hội nhất trí lấy tên tổ chức là Duy Tân Hội, với “mục đích cốt khôi phục nước Việt Nam, lập nên một chính phủ độc lập”, ngoài ra chưa có chủ nghĩa gì khác. Kỳ ngoại hầu Cường Để được bầu làm Hội chủ, Phan Bội Châu làm Tổng đại biểu Hội, cùng Nguyễn Thành

chịu trách nhiệm toàn bộ công việc của Hội. Châu Thượng Văn trở thành ủy viên phụ trách đầu mối liên lạc giữa trong và ngoài nước, vừa lo hoạt động kinh tài cho Hội⁽²³⁾.

Châu Thượng Văn thường tham gia những cuộc họp quan trọng để bàn bạc kế hoạch xuất dương, liên kết các hào sĩ đất Bắc và trong Nam, tìm nguồn tài chính và lập thương hội, đưa Cường Để sang Nhật vận động ngoại viện, đưa học sinh xuất dương Đông Du để đào tạo đội ngũ nhân sự chống Pháp... Nhà Châu Thượng Văn trở thành cơ sở tối quan trọng của Hội, nơi tiếp nhận giao dịch các loại sách báo tân thư, nơi các nhà yêu nước ngoài Bắc trong Nam và hội viên thường hay bí mật lui tới trao đổi thông tin, đồng thời đây cũng là một thương hội cung cấp tài chính cho hội.

Nhằm bảo đảm lâu dài nguồn kinh phí hoạt động cứu nước, Duy Tân Hội đề ra chủ trương vận động những người yêu nước mở thương hội, liên kết với phong trào Duy Tân của Phan Chu Trinh để thành lập các hội buôn. Nhờ vậy, “mới trong vòng hai tháng thương hội đã lập được 72 nơi, người nhận vào cổ phần rất nhiều”⁽²⁴⁾. Khi Phan Bội Châu, Tăng Bạt Hổ, Đặng Tử Kính lên đường sang Nhật vào tháng 2-1905, Châu Thượng Văn còn cầm cố nhà cửa, vườn tược để lấy 350 đồng bạc ủng hộ⁽²⁵⁾, nên số tiền lộ phí có được trên 3.000 đồng Đông Dương⁽²⁶⁾. Ngoài cơ sở của Châu Thượng Văn, ở Hội An còn có sự xuất hiện của Quảng Nam hợp thương công ty⁽²⁷⁾, góp phần tập hợp những người yêu nước phát triển nguồn tài chính cung cấp cho Hội, biến Hội An thành một địa bàn chính trị-kinh tế quan trọng cho cả Duy Tân Hội và phong trào Duy tân tại Quảng Nam.

Sự lớn mạnh của Duy Tân Hội với hoạt động nổi bật là lập thương hội và phong trào Đông Du (1904-1908) cùng cuộc vận động Duy

tân rầm rộ trong 3 năm trời với sự hưởng ứng lập hội buôn, mở trường học, cúp tóc ngắn, mặc áo ngắn (1905-1908) đã góp phần làm thay đổi nhận thức chính trị của người dân Hội An, thu hút sự quan tâm tham gia của tất cả mọi ngành mọi giới, góp phần hướng cuộc đấu tranh chính trị của nhân dân Hội An đến phương thức đấu tranh hiện đại để giải phóng dân tộc.

b. Phong trào chống thuế ở Hội An năm 1908

Với chủ trương dùng thuế khóa để bòn rút tài lực, của cải của nhân dân lao động Việt Nam, thực dân Pháp đã áp dụng chính sách bóc lột rất trắng trợn, tàn khốc. Pháp đã buộc triều đình Huế ra đạo dụ ngày 15-8-1898 giao cho chính phủ bảo hộ Pháp quyền thu thuế và quản trị hành chính tại Trung kỳ... Đổi lại, hằng năm, chính phủ sẽ giao cho triều đình Huế một số tiền để chi tiêu, thực ra là trả lương⁽²⁸⁾.

Pháp đặt ra các loại thuế “công quân” là thuế thuốc phiện, thuế rượu, và thuế muối⁽²⁹⁾; lập ngân sách địa phương bằng thuế thân (thuế đinh), thuế ruộng đất, thuế môn bài, thuế chợ, thuế thuyền bè... Nông dân các làng quê tại Hội An cùng toàn Trung kỳ phải gánh chịu mọi hậu quả về thuế khóa, do thuế thân từ mỗi

suất 1 quan 5 tiền (tương đương 0,2 đồng, tức 2 hào tiền Đông Dương), đến cuối năm 1907 tăng lên đến 2,6 đồng. Việc “công ích”, thực chất là đi sưu hoặc đi xâu, theo dụ của vua Thành Thái ngày 8-1-1904, mỗi tráng niên mỗi năm phải đi 10 ngày sưu, trong đó 4 ngày làm việc tại làng, 6 ngày làm việc tại hạt nhưng được phép nộp tiền thay cho 2 ngày với 0,4 đồng, ghép vào thuế thân⁽³⁰⁾. Đến ngày 7-2-1907, một đạo dụ khác của vua Thành Thái quy định giảm bớt số ngày làm trong xã còn 2 ngày để tăng số ngày làm trong hạt lên 8 ngày⁽³¹⁾, và có thể nộp tiền thay cả 8 ngày, tức là 1,6 đồng. Thuế điền cũng tăng khủng khiếp vào năm 1908, với một mẫu ruộng tăng từ 1 đồng lên 2,5 đồng, không phân biệt ruộng hạng nhất, nhì, ba.

Chính sự bóc lột quá tàn nhẫn thông qua chính sách thuế khóa là nguyên nhân trực tiếp thúc đẩy nông dân Hội An cùng Trung kỳ đứng lên đấu tranh trong những năm 1907-1908. Sử gia Joseph Butinger cũng cho rằng: “Những nguyên nhân cơ bản của sự bất đồng của nông dân là do thuế trực thu cao hơn so với ngân sách địa phương; ngay cả thuế gián thu nặng nề của các tập đoàn độc quyền về muối, rượu, nha phiến của Toàn quyền Doumer cũng cao

Mộ chị sĩ Nguyễn Duy Hiệu tại Hội An. Ảnh: Võ Hồng Việt



hơn so với ngân sách chung⁽³²⁾.

Ngày 10-3-1908, hơn 400 người dân huyện Đại Lộc mặc áo rách, đội nón cối mang theo cơm gạo kéo đến huyện đường đưa đơn xin giảm thuế có chữ ký của 35 lý trưởng đồng ký tên, mở đầu cuộc đấu tranh chống thuế của cả Trung kỳ. Tri huyện Đại Lộc hoảng sợ vội về tỉnh thành cấp báo, vì vậy đoàn xin thuế kéo về tỉnh với số lượng đông hơn bởi sự gia nhập của nhân dân Điện Bàn. Đoàn người tiếp tục đến tỉnh thành, nhưng quan tỉnh đồng ý của về Tòa sứ, nên ngày 11-3-1908

Cuộc đấu tranh làm náo động cả Quảng Nam, rồi lan nhanh đến các tỉnh Quảng Ngãi, Bình Định, Thừa Thiên và khắp cả 10 tỉnh ở Trung kỳ.

Công sứ Quảng Nam buộc phải tuyên bố sẽ cách chức tri huyện Đại Lộc và cam đoan không tăng thuế. Quần chúng tiếp tục kéo đến bao vây dinh Tổng đốc Hồ Đắc Trung, rồi tỏa đi các phủ huyện gây áp lực trước khi giải tán. Sau vụ biểu tình, thực dân Pháp và Nam triều khủng bố những người khuấy động. Nhiều nhân sĩ tham gia phong trào Duy

phản loạn, kết án chung thân, đày đi nhà đày Lao Bảo ở Quảng Trị. Do tuyệt thực để phản đối, Châu Thượng Văn kiệt sức và chết trên đường đi đày tại lao Thừa Phủ ở Huế vào tháng 4-1908.

c. *Cuộc vận động khởi nghĩa của Việt Nam Quang Phục Hội ở Trung kỳ tại Hội An (1912-1916)*

Sau cuộc Cách mạng Tân Hợi (10-1911), Phan Bội Châu cùng nhiều chí sĩ yêu nước sang Trung Quốc tìm hiểu, học hỏi để mưu cầu con đường cứu nước mới kể từ thất bại của Duy Tân Hội và Phong trào Đông Du. Tháng 3-1912, các nhà yêu nước Việt Nam tại Trung Quốc đã mở hội nghị tại Quảng Châu để thành lập tổ chức Việt Nam Quang Phục Hội, chuyển từ lập trường quân chủ lập hiến sang lập trường dân chủ tư sản. Tổ chức Việt Nam Quang Phục Hội có Bộ Tổng vụ và Bộ Chấp hành phụ trách công việc chung, còn Bộ Binh nghị trực tiếp nắm khâu tổ chức ở ba kỳ. Phan Bội Châu là Tổng lý kiêm ủy viên Bộ Binh nghị, chuyên phụ trách công việc của Trung kỳ.

Tổng hội đã cử phái viên đem tôn chỉ và chương trình về vận động trong nước. Việt Nam Quang Phục Hội ở Trung kỳ dựa vào đường lối chung của Tổng hội để tích cực vận động quyền góp tiền nong và gọi thanh niên ra nước ngoài ăn học, gây dựng cơ sở cách mạng ở các đơn vị lính người Việt trong quân đội Pháp ở Huế và các tỉnh Trung kỳ, chờ đợi lực lượng Quang Phục quân từ hải ngoại kéo về để thực hiện "nội công ngoại ứng". Từ khi Tổng hội thực hiện chủ trương bí mật đưa người về nước tiến hành các vụ ám sát một số yếu nhân người Pháp và Việt gian khét tiếng nhằm thức tỉnh đồng bào và kêu gọi hôn nước, thực dân Pháp đã tổ chức khủng bố ác liệt, gây trở ngại cho việc liên lạc giữa Việt Nam Quang Phục Hội ở Trung kỳ với Tổng hội⁽³⁵⁾. Cuối năm 1913, Nguyễn Công Mậu và Bùi Phú Thiệu được cử sang Xiêm (Thái Lan) để liên lạc với các yếu nhân



Quân dụng phiếu in quân kỳ và hội kỳ Việt Nam Quang phục Hội.

quần chúng lại kéo về Hội An đòi Công sứ Quảng Nam giải quyết.

Công sứ Charles tìm cách xoa dịu đoàn người đưa yêu sách và yêu cầu giải tán nhưng không được, buộc phải thương lượng, hứa sẽ báo cáo lại với Tòa Khâm sứ và cơ quan Nam triều. Các đại biểu và đoàn biểu tình không chấp nhận, vẫn cương quyết ở lại. Tính đến ngày 13-3-1908, có khoảng một vạn người vây quanh Tòa sứ Hội An⁽³³⁾. Nhân dân Hội An vừa góp phần đấu tranh trực diện, vừa mang nước uống, lương thực thực phẩm, quần áo và bố trí nơi ăn nghỉ cho đoàn biểu tình, kéo dài cả tháng trời. Từ Hội An, khắp tỉnh Quảng Nam cũng tập hợp lực lượng kéo đến các phủ, huyện đường bao vây đưa yêu sách giảm sưu, giảm thuế.

Tân của Phan Chu Trinh và tổ chức Duy Tân Hội của Phan Bội Châu cũng bị bắt bớ, giam cầm và đưa ra xét xử vì bị cho là đã xúi giục dân chúng nổi loạn. Tại Hội An. Nhà Châu Thượng Văn bị khám xét, tịch thu những sách báo tân thư còn bản thân ông bị bắt giam tra khảo. Huỳnh Thúc Kháng đang ở Tiên Phước cũng bị bắt đưa về nhà lao Hội An. Hơn 2.000 người bị bắt giam ở nhà lao tỉnh thành La Qua và nhà lao Hội An⁽³⁴⁾.

Trong hơn 20 ngày ở nhà lao tỉnh thành La Qua rồi chuyển xuống nhà lao Hội An, Châu Thượng Văn dù bị đánh đập, tra khảo tàn nhẫn vẫn không khai báo điều gì và tuyệt thực để phản đối. Cuối cùng Châu Thượng Văn bị Pháp và Nam triều khép tội

của Tổng hội. Nhờ đó mà ở Trung kỳ không thực hiện những hoạt động có tính chất mạnh động, và ráo riết chuẩn bị chu đáo cho kế hoạch khởi nghĩa đồng bộ.

Từ đầu năm 1914, thực hiện kế hoạch của Tổng bộ, một cuộc vận động tổ chức, chuẩn bị lực lượng để tiến đến phát động khởi nghĩa ở Trung kỳ đã được triển khai, thu hút sự tham gia của nhiều nhà yêu nước và quần chúng nhân dân ở Hội An và toàn Trung kỳ, kéo dài đến đầu tháng 5-1916. Về mặt tổ chức, hội nghị toàn Trung kỳ lần thứ nhất do Thái Phiên và Lê Ngung chủ xướng tổ chức tại Đà Nẵng vào tháng 3-1914⁽³⁶⁾. Đến tháng 9-1915, hội nghị lần thứ hai tổ chức tại Huế, do Thái Phiên đứng chủ trì. Hội nghị lần thứ ba cũng được tổ chức tại Huế vào cuối tháng 2-1916⁽³⁷⁾, do Thái Phiên, Trần Cao Vân chủ trì với sự có mặt của các nhân sĩ Quảng Ngãi, Quảng Nam, Thừa Thiên, Quảng Trị, Quảng Bình⁽³⁸⁾, chính thức quyết định tiến hành phát động khởi nghĩa với một chương trình kiến quốc cụ thể.

Ngày 14-4-1916, sau khi tham dự cuộc duyệt binh của binh lính chuẩn bị sang chiến trường châu Âu tại Trường Thi, vua Duy Tân bí mật gặp Thái Phiên và Trần Cao Vân tại Hậu Hồ trong Hoàng thành. Hai bên nhất trí chọn ngày 3-5-1916 tiến hành khởi nghĩa để kịp trước lúc Pháp đưa 2.500 lính mộ ở Huế lên đường sang châu Âu. Ngay trước ngày khởi nghĩa, Việt Nam Quang Phục Hội ở Trung kỳ còn tổ chức một hội nghị toàn Kỳ vào cuối tháng 4-1916 tại chợ Cầu Cháy, làng Xuân Yên, tỉnh Quảng Ngãi để bàn bạc lại ý kiến của nhà vua về thời điểm tiến hành khởi nghĩa⁽³⁹⁾.

Qua các kỳ hội nghị, Việt Nam Quang Phục Hội ở Trung kỳ đã đề ra chủ trương phát động cuộc khởi nghĩa trên nhiều tỉnh, phân công phụ trách cụ thể từng vùng, đồng thời còn vạch ra phương án dự phòng khi thất bại thì rút về các căn cứ ở miền núi

Bà Nà và Tây Nguyên để cố thủ. Tuy nhiên, do nhân sự chủ chốt và ảnh hưởng của Hội không đều, nên kế hoạch khởi nghĩa được khoanh vùng từ Quảng Bình vào đến Bình Thuận⁽⁴⁰⁾.

Các yếu nhân phụ trách các tỉnh đã ra sức tuyên truyền, xây dựng, phát triển lực lượng nghĩa binh ở các phủ, huyện, tổng, xã, sôi nổi nhất là ở Nam-Ngãi. Tại Hội An, nhiều nhân sĩ và quần chúng bí mật tham gia, chuẩn bị sẵn sàng khởi nghĩa, như Quảng Thái, và đặc biệt là y sĩ Lê Đình Dương làm việc tại bệnh viện Hội An⁽⁴¹⁾. Từ khi về Hội An nhận việc, Lê Đình Dương ngầm hoạt động cùng Thái Phiên, Trần Cao Vân, Phan Thanh Tài cùng nhiều nghĩa sĩ khác ở Hội An và trong tỉnh, được phân công cùng phụ trách chỉ huy mặt trận Nam - Ngãi với tư cách là Tổng trấn Quảng Nam.

Do sơ hở, kế hoạch khởi nghĩa bị bại lộ ở Quảng Ngãi trước giờ hành động hai ngày, nên thực dân Pháp đã có biện pháp ngăn ngừa, ra tay hành động trước. Ở Huế, đêm 3-5-1916, vua Duy Tân cải trang làm dân thường, cùng Thái Phiên và Trần Cao Vân xuống thuyền về làng Hà Trung huyện Phú Vang. Khoảng 3 giờ sáng mùng 4-5-1916 vẫn không nghe tiếng súng nổ, biết việc bất thành nên hôm sau vua đến trú ở thôn Ngũ Tây xã An Cựu để tìm đường vào Nam-Ngãi. Do bị chỉ điểm, sáng ngày 6-5-1916 nhà vua cùng Thái Phiên, Trần Cao Vân bị Pháp bắt sống đưa về Huế. Tại Quảng Ngãi, Quảng Nam, Thừa Thiên, Quảng Trị,... dân binh theo kế hoạch kéo về tỉnh lỵ phục sẵn để phối hợp; nhưng đến giờ khởi nghĩa vẫn không thấy tín hiệu phát ra nên chỉ có cuộc tấn công vũ trang vào phủ Tam Kỳ ở Quảng Nam, còn đại bộ phận đành phải rút lui. Cuộc khởi nghĩa ở Hội An cùng các tỉnh Trung kỳ hoàn toàn thất bại. “Báo cáo về tình hình Trung kỳ” trong khóa họp thường kỳ năm 1916 của Hội đồng Chính phủ Đông

Dương cho biết: “Tại Quảng Ngãi xuất hiện nhiều tốp nghĩa binh, khá đông, vũ trang bằng dao và mác, đã vận động suốt đêm ngày, tại nhiều địa điểm trong tỉnh và với tư thế sẵn sàng chiến đấu; tại Quảng Nam có khoảng từ 250 đến 300 nghĩa binh, chia làm hai nhóm, đã công khai tấn công một đội lính tại địa hạt Tam Kỳ rồi rút lui an toàn; xung quanh bến cảng Đà Nẵng và Hội An cũng xuất hiện nhiều tốp nghĩa binh, với tư thế sẵn sàng chiến đấu...”⁽⁴²⁾.

Sau vụ này, nhiều yếu nhân của Hội ở Hội An và Quảng Nam bị bắt bớ, hành quyết hoặc giam cầm, Lê Đình Dương bị thực dân Pháp bắt đưa vào Khánh Hòa rồi đày lên Buôn Mê Thuột. Ông “không chịu để bị tra tấn, không chịu chịu tù nhục trước Công sứ thực dân Sabatier, nên đã dùng độc được Cyanure de Mercure để tự vẫn năm 1919”⁽⁴³⁾, hưởng dương 26 tuổi.

d. Phong trào ái quốc dân chủ ở Hội An giai đoạn 1919-1927

Sau chiến tranh thế giới thứ nhất (1914-1918), thực dân Pháp đẩy mạnh cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai, kinh tế - xã hội ở đô thị Hội An có sự phát triển và phân hóa sâu sắc hơn với sự hình thành các giai cấp mới, đặc biệt là tầng lớp trí thức thuộc giai cấp tiểu tư sản, nên phong trào ái quốc dân chủ có bước chuyển mạnh mẽ và rầm rộ hơn trước vào những năm 1925-1927.

Trong bầu không khí mới, nhân dân ở Hội An hòa mình vào làn sóng đấu tranh ái quốc, đòi dân chủ, tự do của cả nước. Rầm rộ nhất là tham gia ủng hộ cuộc đấu tranh đòi nhà cầm quyền Pháp phải ân xá cụ Phan Bội Châu, sau khi cụ bị bắt tại Trung Quốc đưa về giam tại Hỏa Lò Hà Nội và bị Tòa Đại hình Hà Nội kết án tử hình vào cuối tháng 11-1925. Nhân dân Hội An thường xuyên tụ tập, truyền tay nhau những tờ báo đăng tải kêu gọi ân xá và điều hành thể hiện nguyện vọng muốn chính quyền thực dân phải ân xá nhà cách mạng lớn của

dân tộc. Kết quả là ngày 25-12-1925, Toàn quyền Pháp tại Đông Dương phải ký lệnh ân xá, chấp nhận đưa cụ Phan Bội Châu đi an trí ở Huế.

Tiếp đó, sự kiện nhà yêu nước Phan Chu Trinh mất tại Sài Gòn ngày 24-3-1926 nhưng bị nhà cầm quyền cấm để tang lại đẩy lên một phong trào rầm rộ khắp nơi đòi được để tang cho cụ. Đông đảo nhân dân Hội An đã tham gia các buổi lễ truy điệu và để tang trong ngày đám tang Phan Chu Trinh vào 4-4-1926, bất chấp sự cấm cản của chính quyền sở tại. Trong cuộc đấu tranh tại Hội An, Lê Đình Thám là em ruột nhà yêu nước Lê Đình Dương, tốt nghiệp y sĩ năm 1916, đến bệnh viện Hội An làm việc từ năm 1926 đã cùng một số nhân sĩ, trí thức, công chức và nhân dân tỉnh Quảng Nam tổ chức lễ truy điệu và để tang cụ Phan rất trọng thể như nhiều nơi khác⁽⁴⁴⁾.

Phong trào ái quốc, dân chủ ở Hội An đã tiếp lửa cho những người dân yêu nước nơi đây tiếp tục dẫn thân trên con đường đấu tranh vì độc lập dân tộc.

4. Kết luận

Trong cuộc đấu tranh giành độc lập theo ý thức hệ phong kiến, Hội An đã có những những người con ưu tú tham gia, mà nổi bật hơn hết là Hội chủ Nguyễn Duy Hiệu, và nhiều nhân vật khác như Châu Thượng Văn, Trần Trung Tri, Lương Như Bích, Nguyễn Bính, ông Tuy, ông Nhạc, Nguyễn Thừa Tồn, Mai Ngô (Đội Ngô), Cai Quả...

Dù phong trào Cần Vương cuối thế kỷ XIX thất bại, nhưng các thế hệ tiếp nối của người dân Hội An vẫn không nản chí, sòng lòng, tiếp tục dẫn thân vào con đường cứu nước theo ý thức hệ tư sản từ đầu thế kỷ XX, có mặt trong tất cả các phong trào từ Duy Tân Hội đến phong trào Duy tân, từ phong trào cự sưu khất thuế đến khởi nghĩa của Việt Nam Quang Phục Hội, và hội tụ đông đảo trong làn sóng ái

quốc dân chủ sau chiến tranh thế giới thứ nhất. Không chỉ những người con của Hội An, như Châu Thượng Văn, tích cực tham gia đấu tranh bất kể sống chết, mà cả những người đến Hội An làm việc cũng hòa mình vào không khí yêu nước đó, sẵn sàng dẫn thân vào cuộc đấu tranh vì lợi quyền chung của dân tộc, chấp nhận hy sinh như Lê Đình Dương, trở thành một phần máu thịt của Hội An, niềm tự hào của Hội An.

Chính các phong trào yêu nước liên tục, kiên cường bất khuất đó đã tạo nên truyền thống tốt đẹp, thôi thúc những người con ưu tú của Hội An tiếp bước cha anh, dẫn thân vào cuộc đấu tranh cách mạng, giải phóng dân tộc, giành tự do cho nhân dân dưới ngọn cờ vô sản của các tổ chức tiền thân của đảng Cộng sản kể từ năm 1927, và đứng dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam kể từ năm 1930.■

CHÚ THÍCH:

1. Liên bang Đông Dương được thành lập từ 17-10-1887 theo Sắc lệnh của Tổng thống Cộng hòa Pháp.
2. Rapport du Comat à S.M. l'Empereur d'Annam, en date du 6 du 9^e mois de la 10^e année de Thanh Thai (20 Octobre 1898) - *Journal officiel de l'Indo-chine française (JOIC)*, 1902, p.150.
3. Cùng ra đời với thị xã Hội An là 5 thị xã khác gồm: Thanh Hóa, Vinh, Huế, Quy Nhơn và Phan Thiết.
4. Ordonnance en date du 5 du 6^e mois de la 11^e année de Thanh Thai (12 Juillet 1899), *JOIC*, 1902, p.150.
5. Le Gouverneur Général de l'Indo-chine, *L'Arrêté du 30 Août 1899*, *JOIC*, 1902, p.147.
6. Thị ủy Hội An (1989), *Lịch sử Đảng bộ thị xã Hội An*, Nxb. Đà Nẵng, tr.19.
7. Thị ủy Hội An (1989), *Lịch sử Đảng bộ thị xã Hội An*, Nxb. Đà Nẵng, tr.22.
8. Sơn phòng Dương Yên ở vùng núi Đèo Ron, nay thuộc xã Trà Dương của huyện Bắc Trà My, Quảng Nam.
9. Lam Giang, Võ Ngọc Nhã

(1970), "Đại loạn năm Ất Dậu (khuyết danh), *Đặng Đức Tuấn - tỉnh hoa Công giáo ái quốc Việt Nam*, Tác giả tự xuất bản, Sài Gòn, tr.531.

10. Quốc sử quán triều Nguyễn (2007), *Đại Nam thực lục chính biên*, tập 9, Tái bản lần II, Giáo dục, tr.285.

11. Quốc sử quán triều Nguyễn (2007), *Đại Nam thực lục chính biên*, Tập 9, Sdd, tr.234.

12. Henri Cosserat (1925), "Le drame de Namchon", *Bulletin des Amis du Vieux Hué (BAVH)*, Avril-Juin, p.17.

13. Baille (1891), *Souvenirs d'Annam (1886 - 1890)*, Librairie Plon, Paris, p. 72-73.

14. Baille (1891), *Souvenirs d'Annam (1886 - 1890)*, Librairie Plon, Paris, p. 72-73.

15. Baille (1891), *Souvenirs d'Annam (1886 - 1890)*, Librairie Plon, Paris, p. 84.

16. Theo Thị ủy Hội An (1989), *Lịch sử Đảng bộ thị xã Hội An*, Nxb. Đà Nẵng, tr.30.

17. Theo "Lịch sử hình thành xã Cẩm Hà", http://hoian.gov.vn/camha/pages/chuyenmuc_view.aspx?idchuyenmuc.

18. Theo Thị ủy Hội An (1989), *Lịch sử Đảng bộ thị xã Hội An*, Nxb. Đà Nẵng, tr.30.

19. Phạm Văn Sơn (1963), *Việt Nam Cách mạng Cận sử (1885-1914)*, Tác giả giữ bản quyền, Sài Gòn, tr.353.

20. Nhiều tác giả (1987), *Danh nhân đất Quảng*, Nxb. Đà Nẵng, tr.79.

21. Có tài liệu ghi là Trình Hiền, hoặc Trình Văn Hiền.

22. Nguyễn Quang Trung Tiến (2004), "Tiểu La Nguyễn Thành - Một nhân vật lớn trong Duy Tân Hội và phong trào Đông Du", Tạp chí *Nghiên cứu và Phát triển*, Thừa Thiên Huế, Số 2, tr.52-57.

23. Tỉnh ủy - UBND tỉnh Quảng Nam, Thành ủy - UBND thành phố Đà Nẵng (2010), *Địa chí Quảng Nam - Đà Nẵng*, Khoa học Xã hội, Hà Nội, tr.1471.

24. Dẫn theo Nguyễn Văn Xuân (1970), *Phong trào Duy Tân*, Lá Bối, Sài Gòn, tr.183.

25. Tỉnh ủy - UBND tỉnh Quảng

Nam, Thành ủy - UBND thành phố Đà Nẵng (2010), *Địa chí Quảng Nam - Đà Nẵng*, Khoa học Xã hội, Hà Nội, tr.1471.

26. Theo Phạm Văn Sơn, Sđd, tr.361.

27. Lâm Quang Thự (1974), *Quảng Nam: Địa lý - Lịch sử - Nhân vật*, Ban liên lạc đồng hương Quảng Nam và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Thanh Hóa xuất bản, tr.53.

28. Arthur Girault (1929), *Principes de colonisation et de législation coloniale*, Tom II, Paris, p. 703.

29. Nguyễn Thế Anh (1974), *Việt Nam dưới thời Pháp đô hộ*, Trung tâm sản xuất học liệu Bộ Văn hóa Giáo dục và Thanh niên, Sài Gòn, tr.100-101.

30. Sổ thuế thân (đình) quy định từ 1898 là 2,2 đồng, sau đạo dụ này dân chúng buộc phải nộp thay 2 ngày công ích là 0,4 đồng, nên dân chúng thường coi số tiền thuế thân tăng lên 2,6 đồng.

31. *Châu bản triều Duy Tân*, tập III. Dẫn theo Nguyễn Thế Anh (1973), "Thử xét lại các nguyên nhân của phong trào kháng thuế miền Trung năm 1908", *Nghiên cứu Việt Nam*, Tập I, Nhà Sùng chính Huế xuất bản, Niên san 1973, tr.7.

32. Josep Buttinger (1967), *Vietnam: A dragon Embattled*. Volume I, *From colonialism to the Vietminh*, Frederick A. Praeger, New York, p. 55.

33. Theo Thị ủy Hội An (1989), *Lịch sử Đảng bộ thị xã Hội An*, Nxb. Đà Nẵng, tr.33.

34. Tỉnh ủy - UBND tỉnh Quảng Nam, Thành ủy - UBND thành phố Đà Nẵng (2010), *Địa chí Quảng Nam - Đà Nẵng*, Khoa học Xã hội, Hà Nội, tr.463.

35. Xem Nguyễn Quang Trung Tiến (2006), "Nhận thức mới về cuộc khởi nghĩa của Việt Nam Quang Phục Hội ở Trung kỳ năm 1916", *Huế xưa và nay*, Số 75, tr.3-9.

36. Ngoài ra còn có cuộc hội nghị có tính chất địa phương ở Quảng Ngãi vào đầu năm 1914..

37. Hội nghị tháng 2/1916 tổ chức tại nhà viên thơ lại thuộc Bộ Hộ của triều đình Huế là Đoàn Bổng

ở đường Đông Ba (nay là đường Mai Thúc Loan ở Huế).

38. Tô Đình Cơ (1995), *Thân thế và sự nghiệp Trần Cao Vân (1866-1916)*, Sở Văn hóa Thông tin Bình Định, tr.45.

39. Tô Đình Cơ, Sđd, tr.49.

40. Trước năm 1916, phần lớn vùng đất Tây Nguyên còn do các tỉnh Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Ninh Thuận và Bình Thuận quản lý nên được Kỳ hội Trung kỳ xem là đất thuộc căn cứ miền núi của cuộc khởi nghĩa.

41. Lê Đình Dương sinh năm 1893, quê làng La Kham, nay thuộc xã Điện Quang, huyện Điện Bàn, lúc nhỏ học chữ Nho, lớn lên

chuyển sang tân học, theo học trường Cao đẳng Y khoa Đông Dương ở Hà Nội, tốt nghiệp á khoa y sĩ khoá đầu tiên năm 1915, được bổ làm y sĩ điều trị ở bệnh viện Hội An của Quảng Nam.

42. Dương Kinh Quốc (2001), *Việt Nam những sự kiện lịch sử (1858-1918)*, Tái bản lần I, Giáo dục, Hà Nội, tr.365.

43. Theo TT. Thích Tín Nghĩa, "Thiền phái Trúc Lâm tại cố đô Huế", www.quangduc.com.

44. Sau sự việc này một tháng, Lê Đình Thám bị Toà Khâm sứ Pháp ở Trung kỳ quyết định chuyển ra làm việc tại Hà Tĩnh, như là một sự trừng phạt hành vi yêu nước của ông.

Những tư liệu quý hiếm về Hội An và Dòng Trong từ năm 1752 đến 1759 tại kho Lưu trữ Quốc gia Trung ương của TP. Munich và các thư viện quốc gia, thư viện Đại học tại bang Bavaria

Các kho lưu trữ này chứa những tư liệu liên quan đến Hội An và Dòng Trong và có khi cả Đông Dương gồm các báo cáo, tường trình, niên giám, thư từ ... chính thức và không chính thức gửi các cấp trên, thân nhân, gia đình và bạn bè của các thương gia và giáo sĩ các nước Châu Âu như Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, Ý, Thụy Sĩ, Áo, Đức ... và của các giáo sĩ người Đức thuộc dòng Tên đang hoạt động tại Trung Hoa và Đông Nam Á trong đó có Đông Dương. Những người giáo sĩ Đức thuộc dòng Tên được gửi tới Á Đông hoạt động là những nhà tri thức rất giỏi về nhiều ngành khoa học như thiên văn, toán, y học, các nền văn hóa Á Đông và châu Âu. Vì thế những văn kiện này rất có giá trị khoa học để nghiên cứu lịch sử văn hóa Đại Việt thời ấy.

Tổng cộng có 13 thùng tư liệu có ký hiệu riêng chứa 50 văn kiện ghi rõ tác giả ngày viết và nơi viết. Ngoài ra với 2 ký hiệu số Jes. 590 và Jes. 596 thì có "nhiều báo cáo thư từ" chưa đếm và xếp hạng được. Có báo cáo dài 32 trang như trong ký hiệu Jes. 607 của Borges. Đây là một kho tư liệu quý hiếm và khá phong phú viết từ những người châu Âu, đa số là người Đức thuộc hàng học giả, bác học, hiểu biết nhiều về Hội An, Dòng Trong và Dòng Ngoài thời ấy, rất hữu ích cho những nhà nghiên cứu về lịch sử văn hóa và phong tục tập quán của Hội An, cảng Nước Mặn (Bình Định) và Dòng Trong thời ban đầu của chúa Nguyễn thế kỷ XVI đến thế kỷ XVIII.

Các nhà nghiên cứu Việt Nam có dịp ghé qua TP. Munich và các thành phố lớn bang Bavaria nên tới thăm các kho lưu trữ quốc gia này để tìm hiểu thêm về những tư liệu quý hiếm này. Nhưng họ phải nắm vững nhiều ngoại ngữ như tiếng Đức, tiếng la-tinh, tiếng Tây Ban Nha, tiếng Bồ Đào Nha, tiếng Ý. Việc khó khăn nhất là các thứ tiếng này được viết tay vào các thế kỷ XVI đến thế kỷ XVIII rất khó đọc và khó hiểu.

Nhưng chúng ta sẽ vui thú và tự hào vì chúng ta làm tròn bổn phận đối với tổ tiên và đất nước khi chúng ta biết: "Tiếp thu và học tập ở những người đi trước chúng ta" như lời khuyên của đại văn hào người Đức W. Goethe.

Nguyễn Tiên Hữu